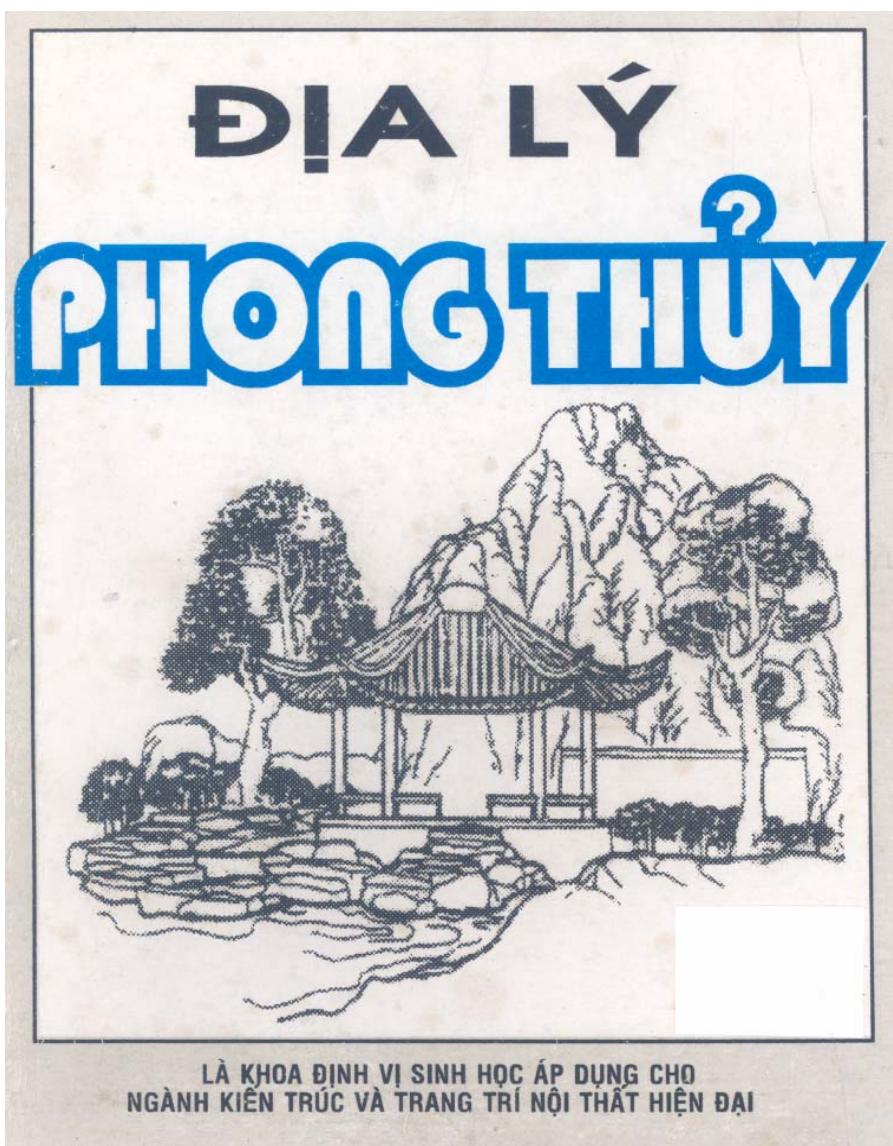


TRẦN VĂN HẢI
TỦ SÁCH SINH HỌC NĂM 1992

**TẬP 7. THỰC HÀNH THUẬT PHONG
THỦY. CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ
MẠNG KHẢM**



TRẦN VĂN HẢI

NGUYÊN TRƯỞNG BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN
KHOA ĐỊA LÝ PHONG THỦY VIỆT NAM QUỐC TỰ SÀI GÒN NĂM 1972

**THỰC HÀNH THUẬT
PHONG THỦY
CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ MẠNG
KHẨM**

Sách in từng tập bằng máy vi tính giá thành cao
nên không bán chỉ làm quà tặng cho các thân hữu

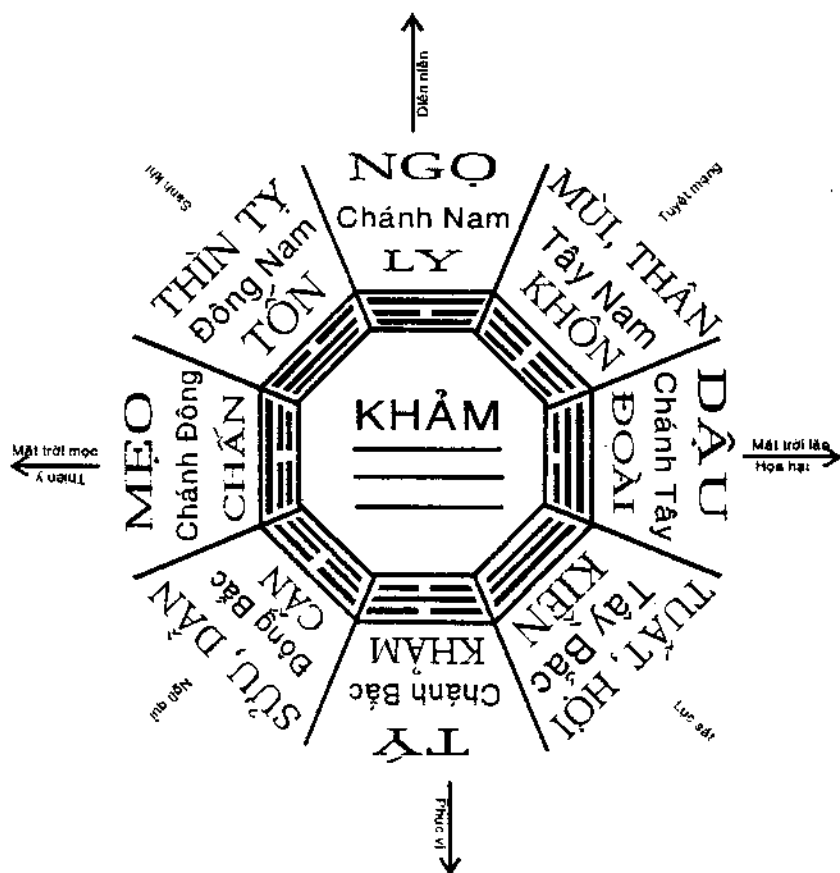
1992



KHẨM VỊ THỦY
NƯỚC

**CHUYÊN ĐỀ LÝ GIẢI CÁC SINH HOẠT
TẠI NỘI THẤT CỦA CHỦ NHÀ MẠNG**

KHẨM





Chú ý : Ô i - theo chiều mũi tên dành cho HƯỚNG ĐẶT BẾP .
 Còn HƯỚNG XÂY NHÀ thuộc chiều mũi tên của Ô 2.
 Ví dụ : Tuổi Hợi đặt bếp hướng Đông Tuổi Tý tuổi Sửu
 đặt hướng Đông Bắc. Xây nhà hướng Tây với tuổi Hợi.

BIỂU TƯỢNG VẠN VẬT SỞ THUỘC CUNG KHẨM

Những điều nói trong “Tượng loại vạn vật” là tượng vật của quẻ thuần.

Nhiều người thắc mắc hỏi: khi quẻ thượng và quẻ hạ không giống nhau thì làm thế nào, làm sao? (Gặp trường hợp này phải xem quẻ trên là quẻ gì, quẻ dưới là quẻ gì, đoán việc gì, sau đó xem mỗi quẻ chủ tượng gì, như vậy là được. Ví dụ đoán về ăn uống được quẻ “tụng” (䷗), quẻ Kiến của quẻ thượng trong tượng vật của thức ăn là vật gì, quẻ Khảm của quẻ hạ trong tượng vật của thức ăn là vật gì, như thế là trong bàn ăn có những món gì sẽ rất rõ ràng. Đối với quẻ hồ, quẻ biến cũng làm như vậy. Tượng quẻ khác cũng như vậy. Trong việc nghiên cứu chuyên đề về tượng loại vạn vật, chúng ta cần lưu ý các điều sau đây:

- (1) Giao thời giữa tháng 9 và tháng 10 mùa hthu, chuyển từ tháng, năm: Tuất sang Hợi; giờ ngày tháng năm của ngũ kim nghĩa là tháng 9 là Tuất, tháng 10 là Hợi, quẻ Kiến chính ở ngôi này, cho nên thời gian ứng sự của quẻ này có thể đoán định các năm, tháng, ngày, giờ Tuất, Hợi. Giờ ngày tháng năm của ngũ kim là: “ngũ kim” trong ngũ hành, tức thời gian ứng sự của quẻ Kiến, có thể đoán giờ ngày tháng năm kim: Canh, Tân, Thân, Dậu mà thành sự (các quẻ khác cách giải thích cũng như vậy).

Chuyên Đề Mang Khảm

- (2) Ngôi hàng 1,4,9: quẻ Kiển vượng tướng ở tháng một, tháng tư, tháng chín là kim, là chính ngôi của quẻ Kiển. Ngôi hàng 1,4,9 tức người đó có con đầu (một) hoặc thứ tư, hoặc thứ chín. Các quẻ khác cách nói cũng như thế.
- (3) Số 1,4,9: có nghĩa là lệnh 9 của tháng giêng, tháng tư; hoặc là số 1, hoặc 4, hoặc 9 hoặc là 149: cụ thể là bao nhiêu phải tùy sự việc mà đoán. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.
- (4) Tháng Thìn Tuất Sửu Mùi, giờ ngày tháng năm: Mùi, Thân: quẻ Khôn ngũ hành thuộc thổ, gặp tháng thổ: Thìn Tuất Sửu Mùi thì vượng. Thời gian ứng sự của nó có thể đoán vào tháng năm hoặc ngày giờ Thìn Tuất Sửu Mùi. Vị thân là phương vị của quẻ Khôn nên không có thể đoán quẻ Khôn vào tháng năm hoặc ngày giờ Mùi, Thân. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự.

Dưới đây là các biểu tượng vạn vật thuộc cung Khảm sắp xếp theo mẫu tự.

ĂN UỐNG

[*Ăn uống*]: thịt heo; rượu; thức ăn lạnh; đồ biển; canh; vị chua; thức ăn thường ngày; cá lân huyết; vật có hột; vật trong nước; vật nhiều xương.

BÁT MÔN TIỂU ĐỘN

Bát môn là Tám cung, tám cửa: Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Kiển; Hưu; Sanh; Thương; Đồ; Kiển; Tử; Kinh; Khai. Đối với cung Khảm thuộc Hưu Môn sở thuộc 9 ngày:

Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Mậu Tý, Kỷ Sửu, Canh Dần, Nhâm Tý, Quý Sửu, Giáp Dần những ngày này nên xuất hành buôn bán, cầu tài tốt.

BỆNH TẬT

[*Bệnh tật*]: đau tai; bệnh tim; cảm nhiễm; bệnh thận; da dày lạnh; đi tởng nước; bệnh về lạnh; bệnh về máu.

BÓI KIỂU

Trong phạm vi bói Kiểu quả Khảm ứng với công danh; thăng bổ sớm hay muộn.

CẦU DANH

[*Cầu danh*]: khó khăn; e có tai họa; dễ gặp ở phương Bắc; được chức kém như quản lý cá, muối, sông bạc; rượu lẩn dấm.

CẦU TÀI

[*Cầu tài*]: có cửa đề phòng mất; dễ được cửa ở vùng nước; e sợ có sự mất mát nguy hiểm; dễ gặp lợi về các hàng cá, muối, rượu; đề phòng mất mát; phòng mất cướp.

CHỮ SỐ

[*Chữ số*] 1, 6.

CHỮ TÊN HỌ

[*Chữ tên họ*]: tên họ viết có chữ thủy bên cạnh.

ĐỊA LÝ

[*Địa lý*]: phương Bắc; sông hồ; khe suối; giếng tuyến; chỗ ẩm ướt; mương rãnh; ao đầm; chỗ có nước.

ĐỘNG VẬT

[Động vật]: heo; cá; con vật trong nước; con hổ ty; loài thủy tộc.

GIAO DỊCH

[Giao dịch]: không lợi; lo để phòng mất mát; hợp với giao dịch ở vùng hồ nước; hợp với hàng cá muối; hợp với hàng rượu; hoặc giao dịch với người liên quan nước ngoài.

HỘI KIẾN

[Hội kiến]: khó gặp; nên gặp người gian hồ; hoặc người sống cạnh vùng nước.

HÔN NHÂN

[Hôn nhân]: lợi khi kết hôn với trung nam; hợp với kết hôn về phía Bắc; không dễ thành hôn; không nên cưới vào các tháng Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

KIỆN TỤNG

[Kiện tụng]: có âm hiểm; có mất vì kiện; mất mát.

MƯU SỰ

[Mưu sự]: không dễ mưu sự; không thành công; mùa Thu, Đông có thể được.

NGŨ SẮC

[Ngũ sắc]: đen.

NGŨ VỊ

[Ngũ vị]: mặn, chua.

NHÀ CỬA

[*Nhà cửa*]: ở hướng Bắc; gần nước; lầu trên nước; lầu trên sông; nhà ở chỗ hỗn địa.

NHÀ Ở

[*Nhà ở*]: không yên; ám muội; để phòng cướp, phỉ.

NHÂN VẬT

[*Nhân vật*]: trung nam; người gian hồ; người lái đò; bọn trộm cướp; phỉ.

PHẦN MỘ

[*Phần mộ*]: nền huyết hướng Bắc; mộ gần nước; táng không lợi.

PHƯƠNG HƯỚNG

[*Phương hướng đi*]: phương Bắc.

SINH ĐỂ

[*Sinh đẻ*]: khó đẻ, nguy hiểm; không phải là lần đầu; nam; trung nam; vào tháng; Thìn, Tuất, Sửu, Mùi có tổn thất; hợp với hướng Bắc.

TÍNH CÁCH

[*Tính cách*]: chỗ hiểm hóc; bề ngoài lấy mềm; bên trong lấy lợi; phiêu bạc không thành; theo sóng mà trôi dạt.

TÍNH VẬT

[*Tính vật*]: một giải nước; vật có hột; vành cung; vật thấp mềm; thứ để đựng rượu; dụng cụ đựng nước; nhà xưởng; chua, lê; cái ách; muối; rượu.

THÂN THỂ

[Thân thể]: tai; máu; thận.

THIÊN THỜI

[Thiên thời]: trắng; mưa; tuyết; mù; sương; nước.

THỜI GIAN

[Thời gian]: tháng 11 mùa Đông; ngày, tháng, năm: Tý; ngày tháng: một, sáu.

XUẤT HÀNH

[Xuất hành]: không nên đi xa; nên đi thuyền; nên đi về phương Bắc; để phòng bị cướp; e sẽ gặp việc hiểm trở.

VẬN MẠNG TRỌN ĐỜI CỦA CHỦ NHÀ MẠNG KHẨM

Bát Quái của Kinh Chu Dịch nếu đem so sánh với Hành Tinh trong Thái Dương Hệ ta sẽ thấy có sự tương đương về bản chất như:

- Kiến tương đương với Kim Tinh (Vénus) thuộc hành tinh Kim

- Khảm - - - -	Thủy Tinh (Mercure)	- - -	Thủy
- Cấn - - - -	Thổ Tinh (Saturne)	- - -	Thổ
- Chấn - - - -	Mộc Tinh (Zupiter)	- - -	Mộc
- Tốn - - - -	Hải Vương Tinh (Neptune)	- -	Mộc
- Ly - - - -	Hỏa Tinh (Mars)	- - - - -	Hỏa
- Khôn - - - -	Diêm Vương Tinh (Pluton)	- -	Thổ
- Đoài - - - -	Thiên Vương Tinh (Uranus)	-	Kim

Theo tài liệu của KYSERLING NÉCIPHORE và TÀO TUYẾT LONG (để biết)

Công danh Bản tánh và Nhân cách

Tình duyên Năng khiếu Tài lộc

Thân thể Sự nghiệp Thọ yếu

Cuộc đời Giàu sang Nghèo hèn

Dưới đây chúng tôi sẽ giải thích rõ về đặc điểm và vận mạng của chủ nhà mạng Khảm.

CHỦ NHÀ MẠNG KHẨM

Tương Đương với Thủy Tinh (Mercure) thuộc hành Thủy

BẢN CHẤT

Người mạng Khảm không thay đổi, định việc gì thì nhất định không thay đổi, trong cuộc đời lại càng có khí hơn, những sự việc bên ngoài không làm lay chuyển được tâm lòng, bản chất thành thật và không thay đổi khi đã quyết định một việc gì, hoàn toàn tinh nhiệm nơi bản năng, không bao giờ phục lụy trước một áp lực hay một việc gì có tánh cách bắt buộc.

SỞ THÍCH

Con người thích phiêu lưu, mạo hiểm, tìm những cảnh vật thiên nhiên, không thích bỡ ngỡ hay làm những việc có tánh cách nịnh hót, luôn luôn muốn mọi người đều nghe theo lời mình hơn là cãi lại, có tính tự ái không muốn kẻ khác xen vào những việc của mình, dù việc đó làm quấy cũng không muốn sửa đổi. Có nhiều tham vọng muốn trở thành một người chỉ huy hơn là một người bị chỉ huy.

TÀI LỘC

Tài lộc nhỏ làm ra rất nhiều có phần dư đã đến độ thành công hoàn toàn về vấn đề này, nhưng sau đó lại suy sụp một phần nào vào thời trung vận, nghĩa là vào khoảng từ 25 đến 35 tuổi. Khoảng thời gian này, tài lộc ra vào thường xuyên, không nằm được một chỗ như hồi tiền vận, tiền vận là khoảng từ 18 đến 25 tuổi và vào khoảng chót của cuộc đời, tài lộc

điều hòa trở lại như cũ.

CUỘC ĐỜI

Cuộc đời thường lên cao, nhưng trong cuộc đời hay có nhiều diễn biến không ngừng, hay đẹp về tên, tuổi, sống được nhiều người ưa thích và nhắc nhở. Thành công to một thời gian trên bước đường công danh, tóm lại: Cuộc đời nhiều triển vọng tốt đẹp.

THỌ YẾU

Số này nếu không đau bệnh thì cũng bị yếu tử vào khoảng độ 30 tuổi sắp lên thì có nhiều sóng gió về bốn mạng, nếu không chết vào khoảng thời gian này, thì trong gia đạo cũng có người chết thay.

Ý THƠ BỔ SUNG

*Cung Khâm chánh Bắc hướng sanh,
Cửa cái đúng hướng thuận hòa làm nên.*

*Số này thuộc Thổ tánh hiền,
Ý hòa, trí sáng, tánh tình hiền lương.*

*Ăn ở thuận ý hương lân,
Chẳng hay tranh cãi, chẳng hề tham lam.*

*Xét xem căn số nợ duyên,
Tình đầu lỡ dở, hiệp hòa duyên sau.*

*Đến đâu cũng gặp bạn lành,
Đỡ nâng mọi việc, lập thân xử người.*

*Tuổi này trường thọ niên cao,
Khi thác con cháu đón đưa linh đình.*

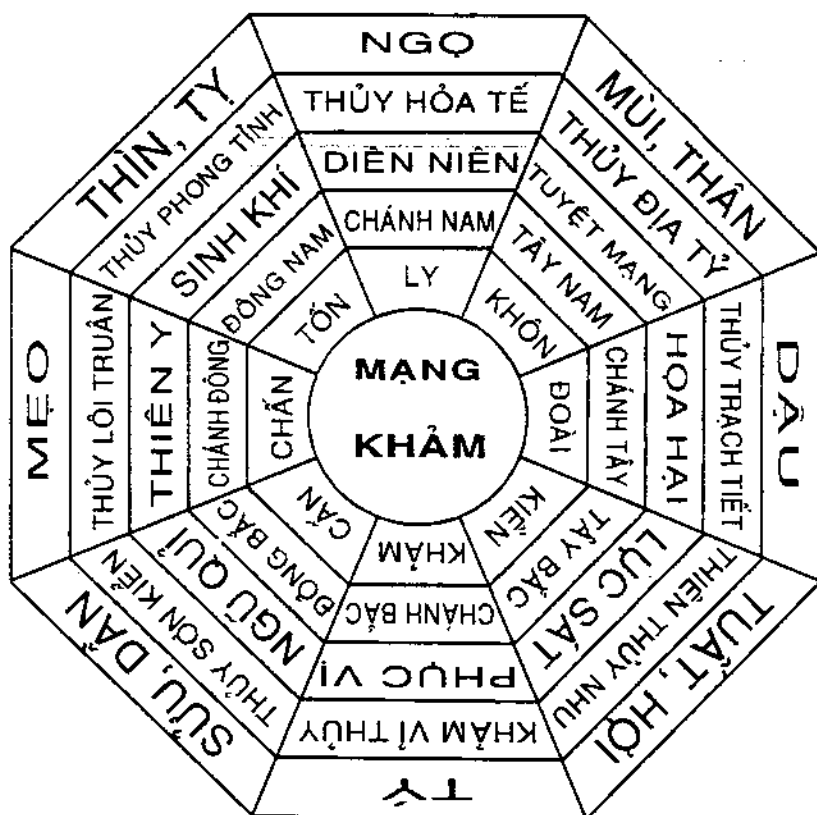
*Có nhạc trống đến đưa linh,
Cử sư phổ độ hồn về Tây phương.*

*Số thọ sáu mốt (61) mà thôi,
Ăn ở hiền đức sống ngoài bảy mươi (70).*

Tuổi Tý làm nhà trở cửa cái về hướng chánh Bắc, hay là hướng Đông - Bắc cũng được.

BÁT QUÁI ĐỒ

CỦA CHỦ NHÀ MẠNG KHÂM



**PHƯƠNG HƯỚNG XÂY NHÀ
CỦA NGƯỜI**

MẠNG KHẨM

**CHỦ KHẨM CHỌN HƯỚNG KHẨM
(Chánh Bắc) ĐỂ QUAN HỆ VIỆC XÂY
NHÀ.**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Phục Vị là quẻ Khảm vi Thủy trong kinh Chu Dịch. Gia đình có nhiều cửa, nhiều con cháu.

**CHỦ KHẨM CHỌN HƯỚNG CẤN
(Đông Bắc) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY
NHÀ.**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Ngũ Quỷ là quẻ Thủy Sơn Kiển trong kinh Chu Dịch. Gia đình ly tán mỗi người ở một nơi tự mưu sinh, Đại hung.

**CHỦ MẠNG KHẨM CHỌN HƯỚNG
CHẤN (Chánh Đông) ĐỂ QUAN HỆ VỀ
VIỆC XÂY NHÀ.**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Thiên y là quẻ Thủy Lôi Truân trong kinh Chu Dịch. Theo lý thuyết hướng nhà này là thượng cát nhưng thực tế kỵ không nên sử dụng lý do vì Thiên y thuộc sao Cự Môn, Dương Thổ cung Chấn thuộc Mộc, Mộc khắc Thổ, có hại cho con trai trưởng.

CHỦ MẠNG KHẢM CHỌN HƯỚNG TỐN (ĐÔNG NAM) ĐỂ QUAN HỆ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Sinh Khí là quẻ Thủy Phong Tĩnh trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà đại phát tài, đại phú quý, con cháu đông đúc, Thượng Cát.

CHỦ MẠNG KHẢM CHỌN HƯỚNG LY (Chánh Nam) ĐỂ QUAN HỆ VIỆC XÂY NHÀ.

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Diên Niên là quẻ Thủy Hỏa Tể trong kinh Chu Dịch. Chủ nhà giàu sang thứ cát.

CHỦ MẠNG KHẢM CHỌN HƯỚNG KHÔN (Tây Nam) ĐỂ QUAN HỆ VIỆC XÂY NHÀ.

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Tuyệt Mạng là quẻ Thủy Địa Tỹ trong kinh Chu Dịch. Gia đình hao tán thiếu trước hụt sau, thứ hung.

CHỦ MẠNG KHẢM CHỌN HƯỚNG ĐOÀI (TÂY BẮC) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Họa Hại là quẻ Thủy Trạch Tiết trong kinh chu Dịch. Gia đình hao tán thiếu trước hụt sau, thứ hung.

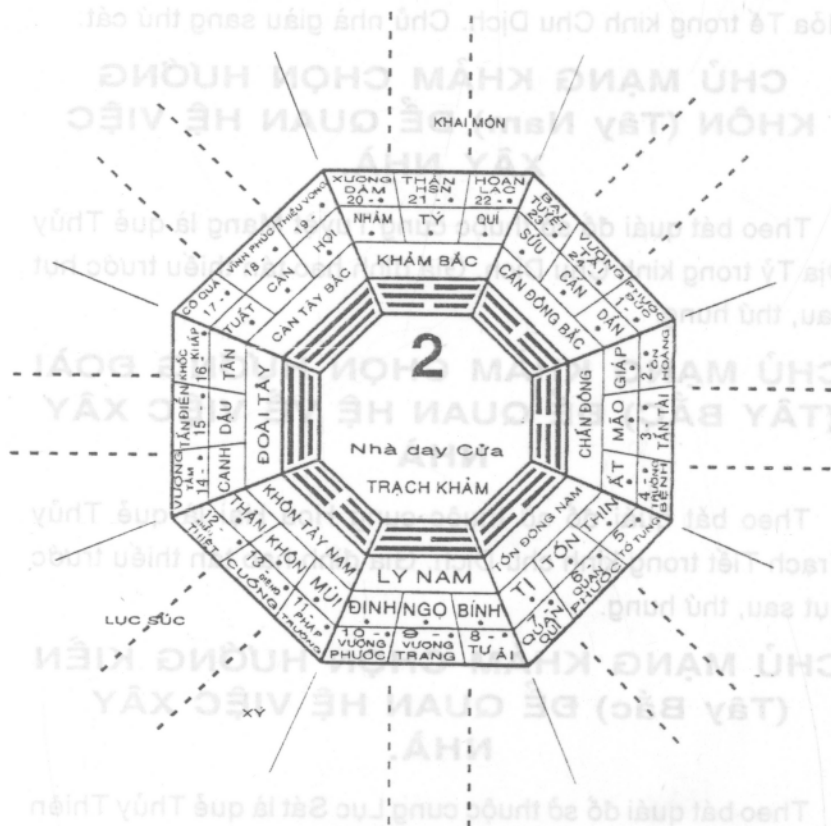
CHỦ MẠNG KHẢM CHỌN HƯỚNG KIÊN (Tây Bắc) ĐỂ QUAN HỆ VIỆC XÂY NHÀ.

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Lục Sát là quẻ Thủy Thiên

Nhu trong kinh Chu dịch. Chủ nhà bị thất tài, mang tai tiếng, thứ hung.

Lưu ý:

Nếu khinh xuất mà xây cất nhà cửa, cánh hướng về các hướng đại kỵ, thứ kỵ như đã kể trên, hoặc nghe biết mà không chịu sửa chữa bằng cách dời đổi, hay xoay lại bếp, lò, nhà tiêu để trấn áp hung thần, giải trừ tai họa thì khó tránh khỏi những tai biến sẽ xảy ra trong một thời gian sớm muộn.



CHỌN PHƯƠNG HƯỚNG TRỞ CỦA

CỦA CHỦ NHÀ MẠNG KHẨM

Tý sơn, Nhâm sơn, Quý sơn

Trạch này lợi ở vào năm, tháng Thân, Tý hợp với Mộ ở Thìn, tương ứng với Thân Tý là Bốn trạch tọa cung được toàn mỹ. Ở 2 bên có thể mở cửa nhỏ, cửa sau ở Nhâm, ở Quý 2 phương không lia phương cát của Bốn cung. Không nên lấn vào phương Hợi, phương Sửu. Tra xem cái Khảm trạch phối với Tốn là Sinh khí, Chấn là Thiên y, Ly là Diên niên, nên khai môn lộ (cửa ngõ đi ra đường). Nhưng 3 phương này hợp với Tam bạch, cũng có chỗ không được tán cát (tốt hết cả) như Kiến thì Lục sát, Khôn thì Tuyệt mạng, Cấn thì Ngũ quỷ mà Đoài là Hòa hại càng là bất cát, đến hợp Tử, Bạch thì Khảm là Nhất bạch Thủy tinh, hợp được Lục bạch kim đáo Bốn cung, là Tọa Sinh khí. Nhị hắc đáo Kiến, Bát trạch đáo Chấn đều có sát khí. Nhưng Chấn là Thiên y Cự môn, có thể mở Tiệp môn (cửa nhỏ tiệp đi ở trong nhà) để trợ lực sự cát tường cho cửa chính.

Như Địa hình có thể mở cửa lớn, lại hợp với Đông tứ trạch, thì nên mở cửa phương Đông rất tốt. Tam bích tại Đoài là Lộc tốn, Tứ lục tại Cấn là Liêm trinh Ngũ quỷ, đều là thoái khí. Thất xích đáo Khôn là Sinh khí, Cửu tử đáo Tốn cũng là tử khí (khí chết) Tốn cung lấy Tham lang hợp với tử khí, cũng có thể cửa nhỏ mà giúp cho cửa chính thêm tốt.

Cửa ở phương Tốn thì Mộc vào phương Khám, phương tri Thân quý rất tốt, đã thấy Khám trạch mở Tốn môn được cát tường nhiều lắm rồi. Khôn cung lấy Phá quân mà có Sinh khí, cho nên Quý sơn, Đinh hướng có mở cửa ở Khôn, Thân, vì ở Khám là Thủy, tức là Sinh phương mà có Sinh tinh chiếu, hay kiêm cả nghinh, hợp thủy lại ở bên hữu được. Ly phương là Họa hại, Chấn là Lục sát, Tốn là Tuyệt mạng đều không tương phối, đến sự phối hợp của Tứ bạch, thì Cấn là Bát trạch Thổ tinh, phối hợp được Nhị khắc là Thổ đáo Bốn cung, cũng là toa vượng. Cửu tử đáo Kiến đó là Sinh khí, nên lấy là Cửu thứ nhất, Khôn bạch tại Đoài, tuy là khí chưa có thuận, nhưng có thể mở cửa, đào giếng được, Tam bích ở Ly, Tứ lục ở Khám đều là Sát khí, mà Khám càng hung hơn! Ngũ hành ở Khôn, tuy là Tham lang thuộc Mộc lại cùng với Cấn thổ là hiểm nghi, lấy Khôn để mở cửa thứ 2, Kiến là Đại môn thứ nhất, Canh, Dậu, Tân 3 phương mở Đại môn thứ nhì được cát tường.

CỬA CÁI VÀ CHỖ ĐẶT BẾP LÒ _____

QUAN HỆ VỚI

CỬA CHỦ NHÀ MẠNG KHẨM

Một ngôi nhà có 7 chỗ quan hệ tức là có ảnh hưởng tốt xấu: Cửa ngõ, cửa cái, cửa phòng, cửa bếp, chủ nhà hay sơn-chủ, bếp và hướng bếp.

Trong 7 chỗ quan hệ có 3 chỗ chính yếu ảnh hưởng trong ta để quyết định ngôi nhà tốt hay xấu. Còn 4 chỗ kia thuộc hàng thứ yếu (phụ thuộc), ảnh hưởng bình thường, chỉ có thể bớt tốt xấu mà thôi.

Cửa-cái là một nơi chính yếu, vì nó là lối đi vào nhà, nếu mở trúng tại cung tốt tức như người đi trúng vào chốn may-mắn, bằng mở tại cung xấu tức như người đi vào chốn nguy hiểm, tối tăm, chông gai. Cửa cái là mẹ sanh ra các Du niên cho chủ nhà, cho sơn chủ và cho bếp. Vì vậy nên hể chủ nhà, sơn chủ và bếp thừa du niên tốt, tức cửa cái tốt, vì mẹ tốt mới sanh ra con tốt bằng thừa du niên xấu tức cửa cái xấu, vì mẹ xấu mới sanh con xấu.

Chủ nhà hay sơn chủ đều là nơi chính yếu, trụ cột, chủ yếu, làm chủ toàn thể ngôi nhà cho nên gọi là chủ nhà, là sơn chủ. Nếu được ở nhằm cung tốt và thừa du niên tốt hay sao tốt là nhà ở thịnh vượng và yên lành. Bằng ở nhằm cung xấu và thừa du niên xấu hay sao xấu là nhà ở suy vi, chẳng yên.

Bếp là chỗ chính yếu vì nơi sinh dưỡng, nuôi sống con người,

nếu được an trí nơi cung tốt và thừa du niên tốt thì sự sinh dưỡng mới được lợi ích, ít bệnh hoạn. Bằng an trí tại cung xấu và thừa du niên xấu khác nào sự sinh dưỡng bị đầu độc gây ra đủ các bệnh chứng cả tai họa. Trăm bệnh đa số do nơi ẩn uống sinh ra.

Tóm lại: Ba chỗ chính yếu được đặt vào 3 cung tốt là đối với nhau được tương sanh hay tỷ hòa và 3 cung gồm thừa cát, du niên hay cát tinh thì quyết định một ngôi nhà thịnh vượng. Bằng trái lại đặt trùng vào 3 cung xấu là đối với nhau tương khắc và đồng thừa hung du niên hay hung tinh thì quyết định ngôi nhà suy bại.

Sự sai biệt trong 4 chỗ thứ yếu:

Trong 4 chỗ thứ yếu thì hướng bếp có tầm quan trọng hơn cả, kế đó là cửa phòng và cửa bếp, sau hết là cửa ngõ. Người xưa không kể tới cửa ngõ, có lẽ vì nó không thuộc ngôi nhà.

Phần này được nói gọn lại là cửa cái, chủ nhà và bếp. Cửa là chỉ nói cửa cái chứ không phải là cửa phòng hay cửa bếp. Chủ là nói chủ nhà ở tịnh trạch, là nói sơn chủ ở Đông trạch và biến hóa trạch, bếp, là nói tại chỗ đặt lò hay cà ràng nấu ăn chứ chẳng luận tới hướng mở cửa cái bếp.

1- CHỦ NHÀ MẠNG KHẨM MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHẨM (CHÁNH BẮC) PHỤC VÌ

(Cửa cái tại Khảm (chánh Bắc), chủ nhà hay sơn chủ cũng tại mạng Khảm).

Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy nhược trùng phùng: thế tử nạn. Ý nghĩa: Nước bằng gặp nhau thì vợ con lâm nạn. Đó là nói Khảm thủy lại gặp Khảm thủy, tức là cửa tại Khảm (chánh Bắc)

mà chú cũng tại Khâm vậy.

- Từ cửa Khâm (chánh Bắc) biến 8 lần đảo lại chú Khâm được Phục vị cho nên gọi là Phục vị trạch. Khâm thủy gặp Khâm thủy là tý hóa và được Phục vị mộc đắc vị cho nên lúc đầu phát đạt lớn, nhưng vì hai Khâm thuận dương chẳng sinh hóa được, về lâu sau ắt khắc vợ hại con, sanh ra các vụ ở góa, không con nối dòng. Hai Khâm thuộc dương tức như hai nam nhân ở chung mà không có thể thiếp.

Cửa Khâm (chánh Bắc) với chú Khâm phối 8 chỗ đặt bếp.

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc) : Cửa tại (chánh Bắc) thì bếp Kiền (Tây Bắc) là bếp Lục sát và Kiền với Khâm thuận âm, khắc vợ hại con, phạm vào lời tượng : Thiên môn lạc thủy xuất dân cuồng.
- 2) Bếp đặt tại Khâm (chánh Bắc) : Cửa tại Khâm (chánh Bắc) thì bếp Khâm (chánh Bắc) là bếp Phục vị đắc vị bếp Khâm (chánh Bắc) với chú Khâm cũng vậy. Như vậy là 3 Khâm thủy tý hòa, chính biến hồ biến được 3 Phục vị mộc đắc vị, đồng hợp với Đông tứ trạch là ngôi nhà này. Nhờ vậy sơ niên đại phát phú quý, nhân khẩu cùng gia đạo đều được an toàn. Nhưng vì 3 Khâm thuận dương (không có âm), ở lâu sau khắc vợ hiểm con nối dòng họ.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) : Bếp Cấn (Đông Bắc) thổ đối với cửa Khâm (chánh Bắc) chú Khâm đều tương khắc và biến sinh 2 Ngũ quý đại hung, hàng trung nam bất lợi, trẻ nhỏ chết mất.

Chuyện Đế Mang Khâm

- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông) : Bếp Chấn (chánh Đông) mộc với 2 Khâm đều được tương sanh và biến sinh 2 Thiên y là phúc thần, sơ niên phát phúc, ưa làm việc lành. Nhưng Chấn Khâm Khâm thuần dương, ớ lâu khắc vợ hại con.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam) : Bếp Tốn (Đông Nam) âm mộc đối với 2 Khâm tương sanh mà có đủ âm dương, sinh biến được 2 Sinh khí mộc hữu khí rất hợp với Đông tứ trạch là ngôi nhà này. Vậy nên Phước, Lộc, Thọ là ba tốt hoàn toàn thật là đại Cát, đại lợi được mạng danh là Ngũ tử đẳng khoa tảo (bếp 5 con thi đậu).
- 6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam) : Bếp Ly (chánh Nam) âm hỏa đối với cửa Khâm (chánh Bắc) và chủ Khâm là âm dương chính phối, biến sinh hai Diên niên. Bếp này khiến sanh được 4 con và cũng phát phúc, nhưng kém hơn bếp Tốn (Đông Nam).
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) : Bếp Khôn (Tây Nam) âm thổ khắc 2 Khâm (Cửa, Chủ) và biến sinh hai Tuyệt mạng, gây bất lợi cho hàng trung nam.
- 8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây) : Bếp Đoài (chánh Tây) âm kim đối với 2 Khâm tuy tương sanh nhưng là tiết khí (vì biến sinh 2 Họa hại) khiến cho hàng thiếu phụ yếu vong.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Khâm là Đông tứ trạch.

Vì vậy Đông trù là 4 bếp Khâm Ly Chấn Tốn đều tốt, còn Tây trù là 4 bếp Khôn Cấn Đoài đều bất lợi.

2- CHỦ NHÀ MẠNG KHẨM MỞ CỬA CÁI HƯỚNG CÁN (ĐÔNG BẮC) NGŨ QUÝ

(Cửa cái tại Cấn (Đông Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Khảm).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Quý ngộ uống dương: Lạc thủy thương. Ý nghĩa: Quý gặp thể nước mạnh: rơi xuống nước thương tổn. Quý là nói cửa Cấn phối với chủ Khảm chính biến ra Ngũ quý. Ngộ uống dương là gặp thể nước mạnh tuồng trôi, chỉ vào Khảm thuộc thủy. Lạc thủy thương là bị thương tổn vì rơi xuống nước, ám chỉ các tai nạn chìm đắm như nhảy sông tự tử. Cửa tại Cấn (Đông Bắc) và chủ tại Khảm là ngôi nhà sanh ra nạn chìm đắm.

- Từ cửa Cấn (Đông Bắc) biến 2 lần tới chủ Khảm phạm Ngũ quý cho nên gọi là Ngũ quý trạch. Nhà Ngũ quý sanh ra lắm tai nạn và nhiều điều bất lợi thái quá. Nào là nhảy sông tự vận, nào là tai họa phóng cháy (Ngũ quý thuộc hỏa), kiện tụng, khẩu thiệt, trộm cắp, bại sản vong gia, cha con huynh đệ đều bất hòa thuận, khắc vợ hại con, ngỗ nghịch, bất hiếu.... Nói về bệnh thì trong bụng kết chứa hòn cục, đau nhức.

Cửa Cấn (Đông Bắc) với chủ Khảm phối 8 chỗ đặt bếp.

1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc) : Cửa tại Cấn (Đông Bắc) thì bếp Kiền (Tây Bắc) tương sanh và là bếp Thiên y đắc vị rất tốt nhưng thuần dương chẳng bền. Còn bếp Kiền (Tây Bắc) bị chủ Khảm làm tiết khí hóa ra Lục sát khiến cho khắc vợ hại con, hao tài tán của, dâm dăng, bài bạc.

2) Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc) : Cửa Cấn (Đông Bắc) khắc bếp Khảm (chánh Bắc) là ngoài khắc vào trong,

Chuyên Đề Mạng Khảm

lại là bếp Ngũ quý đại hung, Trời giáng họa. Bếp Khảm (chánh Bắc) với chủ Khảm Phục vị không đáng kể.

- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) : Bếp Cấn (Đông Bắc) với cửa Cấn (Đông Bắc) tý hòa Phục vị tốt ít, nhưng bếp Cấn (Đông Bắc) với chủ Khảm tương khắc và hồ biến Ngũ quý hung hại nhiều.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông) : Bếp Chấn (chánh Đông) khắc cửa Cấn (Đông Bắc) và là bếp Lục sát, bất lợi. Bếp Chấn (chánh Đông) với chủ Khảm tương sanh và hồ biến Thiên y thất vị là chỗ tốt ít.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam) : Bếp Tốn (Đông Nam) mộc khắc cửa Cấn (Đông Bắc) và là bếp tuyệt mạng: ở góa, bệnh da vàng, sung da thịt, bệnh phong. Bếp Tốn (Đông Nam) với chủ Khảm tương sanh và hồ biến Sinh khí hữu khí. Kết luận: Bếp này hung nhiều mà Cát cũng nhiều, nhưng tuyệt mạng kim khắc được Sinh khí mộc và chính biến mạnh hơn hồ biến cho nên hung nhiều hơn Cát.
- 6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam) : Bếp Ly (chánh Nam) thoát khí cửa Cấn (Đông Bắc) và là bếp họa hại: phụ nữ hung dữ nhiều loạn gia đình. Bếp Ly (chánh Nam) với chủ Khảm hồ biến Diên niên khá tốt, song không đủ bù trừ cái hại của họa hại do chính biến sinh ra.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) : Bếp Khôn (Tây Nam) với cửa Cấn (Đông Bắc) tương sanh và là bếp sinh khí thất vị khá tốt. Nhưng bếp Khôn (Tây Nam) với chủ Khảm tương khắc và hồ biến tuyệt mạng thì nam nhân đoán thọ.

- 8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây) : Bếp Đoài (chánh Tây) với cửa Cấn (Đông Bắc) tương sanh có đủ âm dương và là bếp Diên niên đẳng diện, một cái bếp rất bình yên. Bếp Đoài (chánh Tây) với chủ Khảm hổ biến họa hại, xấu qua loa.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Khảm là Ngũ quý trạch. Kiểu nhà Đông Tây hỗn loạn thì bếp nào đối với cửa và chủ cũng biến sinh một hung du niên và một Cát du niên, tốt xấu lẫn lộn. Kiểu nhà Đông Tây hỗn loạn là cửa thuộc Đông tứ cung (Khảm Ly Chấn Tốn) mà chủ thuộc Tây tứ cung (Kiến Khôn Cấn Đoài), hoặc ngược lại. Một kiểu nhà này cửa Cấn (Đông Bắc) là Tây mà chủ Khảm là Đông, như vậy là Đông Tây hỗn loạn (lộn xộn). Tất cả kiểu nhà Đông Tây hỗn loạn đều thuộc về hung trạch.

3- CHỦ NHÀ MẠNG KHẨM MỞ CỬA CÁI HƯỚNG CHẤN (CHÁNH ĐÔNG) THIÊN Y

(Cửa cái tại Chấn (chánh Đông) chủ nhà hay sơn chủ tại Khảm).

Lời tượng ứng về ngôi nhà: Lôi thủy: pháp tự, đa hành thiện

Ý nghĩa: Sấm với nước: thiếu con, hay làm lành. Lôi là sấm chỉ Chấn, Thủy là nước chỉ vào Khảm. Pháp tự là không tự sanh được con để nối dòng. Đa hành thiện là làm nhiều việc phước đức.

Theo phép Bát biến, từ cửa Chấn (chánh Đông) biến 6 lần tới chủ Khảm tất được Thiên y cho nên gọi là Thiên y trạch. Chấn mộc với Khảm thủy tương sanh, ở sơ niên thịnh phát lớn. Nhưng

Chuyến Để Mang Khảm

vì Chấn Khảm thuần âm chẳng sinh hóa được, về lâu sau khắc hại vợ con, nhân đinh bấy lợi và người không thêm đông. Tuy nhiên nam nữ đều ưa làm việc lành và ăn ở rất có nhân có nghĩa.

Cửa Chấn (chánh Đông) và chủ Khảm phối 8 chỗ đặt bếp.

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc) dương kim là Tây trù, khắc cửa Chấn (Chánh Đông) và là bếp Ngũ quý đại hung, hưởng chi đối với chủ Khảm thì Kiền bị tiết khí và hổ biến Lục sát thêm sự hại.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc) dương thủy là Đông trù, đối với cửa Chấn (chánh Đông) tương sanh, đối với chủ Khảm tỵ hòa, biến sinh được Thiên y và Phục vị toàn là Cát du niên, nhưng vì Chấn Khảm Khảm ba cung thuần dương chỉ tốt trung bình, và dùng bếp này lâu sau sẽ khắc hại vợ con.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) dương thổ là Tây trù, đối với cửa Chấn (chánh Đông) và chủ Khảm đều bị tương khắc, biến sinh Lục sát và Ngũ quý là cái bếp tuyệt tự, nam nữ đoán thọ, tiểu nhi bất lợi.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông) dương mộc là Đông trù, đối với cửa Chấn (chánh Đông) và chủ Khảm đều được tỵ hòa cũng tương sanh, nhưng Chấn Chấn Khảm thuần dương chỉ tốt trung bình, dùng lâu sau chẳng có con thừa tự.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam) âm mộc thuộc Đông trù, đối với cửa Chấn (chánh Đông) là âm dương tỵ hòa và là bếp Diên niên, đối với chủ Khảm là âm dương tương

sanh và hồ biến được Sinh khí hữu khí rất tốt, hiệp với Thiên y trạch thành. Nhà ba tốt trăm sự thuận lợi, giàu có, sang trọng, vinh diệu.

6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam) âm hỏa thuộc Đông trù, đối với cửa Chấn (chánh Đông) là âm dương tương sanh và là bếp Sinh khí đắc vị, đối với chủ Khảm là âm dương chính phối và hồ biến được Diên niên, hiệp với Thiên y trạch thành nhà ba tốt, là một hướng bếp đại lợi. Bếp Ly (chánh Nam) và bếp Tốn (Đông Nam) đều hiệp thành nhà ba tốt, tốt trội hơn bếp Khảm (chánh Bắc) và bếp Chấn (chánh Đông).

7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) âm thổ là Tây trù, đối với cửa Chấn (chánh Đông) và chủ Khảm đều bị tương khắc và biến sinh Hỏa hại cùng tuyệt mạng, là hướng bếp hung hại.

8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây) âm kim là Tây trù, đối với cửa Chấn (chánh Đông) tương khắc, đối với chủ Khảm tiết khí, biến sinh ra tuyệt mạng và hỏa hại, là cái bếp hung hại khiến cho nam nữ yếu vong.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Khảm, Thiên y trạch.

Cửa Chấn (chánh Đông) với chủ Khảm đều thuộc về Đông tứ trạch cho nên ngôi nhà này là Đông tứ trạch. Phạm Đông tứ trạch thì các Đông trù là những bếp có lợi tốt, còn các Tây trù là những bếp hung hại.

4- CHỦ NHÀ MẠNG KHẨM MỞ CỬA CÁI HƯỚNG TỐN (ĐÔNG NAM) SANH KHÍ

(Cửa cái tại Tồn (Đông Nam) chủ nhà hay sơn chủ tại Khâm)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Ngũ tử đăng khoa thị Phong thủy.

Ý nghĩa: Năm coi thi đậu chính là gió nước. Phong là gió chỉ vào Tồn, Thủy là nước chỉ vào Khâm, ấy là nói ngôi nhà có cửa Tồn (Đông Nam) và chủ Khâm.

Đây là Sinh khí trạch đắc vị, rất thắng lợi về công danh. Và vì Sinh khí thuộc Mộc ứng số 5 nên nói 5 con đỗ đạt. Từ cửa Tồn (Đông Nam) biến một lần tới chủ Khâm được Sinh khí cho nên gọi là Sinh khí trạch. Sinh khí mộc lâm Khâm thủy đắc vị, cũng gọi là Tham-lang mộc tinh đắc vị ứng: năm con thi đậu, nam nữ có tài trí hơn người, con hiếu cháu hiền, con cháu đầy nhà, giàu sang cực phẩm, vợ chồng thương kính nhau, khoa cử liên miên, đời đời vinh hoa tiếp nối, nhân đinh đại vượng (càng thêm đông), phụ nữ hiền lương, trong nhà không có người nào là dân thường. Thật là một kiểu nhà đệ nhất tốt.

Cửa Tồn (Đông Nam) với chủ Khâm phối 8 chỗ đặt bếp.

Bếp đặt tại Kiền (Tây Nam) dương kim là Tây trù, khắc cửa Tồn (Đông Nam) làm tổn hại vợ con, gân xương đau nhức, sanh đẻ chết (chết mẹ hoặc chết con). Nhưng lại cũng phát khoa cú, phát giàu có lớn và nhân đinh đại vượng (đông người). Chú ý: đây là hướng bếp đặt biệt ở trường hợp đặt biệt, luận ra như vậy: Cửa Tồn (Đông Nam) âm mộc là cây gỗ còn nguyên gập Kiền dương kim là búa dao cứng bén đẽo chuốt thành vật quý giá. (Nhưng nếu Chấn gập Kiền không thể luận như vậy, vì Chấn thuộc dương mộc là vật khí đã thành hình như bàn, ghế, tủ, nay gập Kiền là dao búa đẽo chuốt vào nữa thì như

vậy Ất với Canh là can hợp, rất tốt (nhưng Chấn gặp Kiền Canh luận như vậy không được, vì Chấn dương mộc thuộc can Giáp mà Giáp với Canh là Can phá, rất hại).

Lại còn luận như vậy: (CỬA TỐN ĐÔNG NAM VỚI CHỦ KHẨM PHỐI 8 HƯỚNG BẾP TÂY BẮC)

- 1) Bếp Kiền đặt tại (Đông Nam) kim sanh chủ Khảm, rồi chủ Khảm sanh cửa Tốn (Đông Nam) kim sanh Thủy, rồi Thủy sanh mộc là cách sanh tiến tới rất tốt, có thể giải hóa được cái khắc của Kiền khắc do Tốn. (Dầu bếp Kiền với chủ Khảm hồ biến Lục sát là chỗ bất lợi, nhưng ở trường hợp này gọi là tá hung vị Cát: mượn kẻ dữ giúp mình nên việc hay).
- 2) Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc) dương thủy là Đông trù cũng như chủ Khảm, đối với cửa Tốn (Đông Nam) là Sinh khí đắc vị. Nhà Sinh khí lại được bếp Sinh khí, đại Cát, đại lợi, phúc lộc thọ gồm đủ, phụ nữ thông minh.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) dương thổ là Tây trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) và chủ Khảm đều bị tương khắc, tiêu nhi khó nuôi dưỡng. Nhà vốn sanh 5 con sau mất 3 người.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông) dương mộc là Đông trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) tý hòa và là bếp Diên niên, đối với chủ Khảm tương sanh và hồ biến được Thiên y, hiệp với Sinh khí trạch thành nhà ba tốt, đại Cát, đại lợi. Cũng gọi bếp Chấn (chánh Đông) nay là Đông trù tứ mạng đệ nhất tốt.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam) âm mộc là Đông trù, đối với

cửa Tốn (Đông Nam) tý hòa và là bếp Phục vị đẳng diện, đối với chủ Khảm tương sanh và hồ biến được Sinh khí (hữu khí là hướng bếp đại Cát, phú quý song toàn, nhân đinh đại vượng số người thêm rất đông).

6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam) âm hỏa là Đông trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) tương sanh và là bếp Thiên y đắc vị, đối với chủ Khảm hồ biến được Diên niên, là cái bếp đại Cát, đại lợi, hiệp với Sinh khí trạch thành nhà ba tốt, phúc lộc thọ gồm đủ.

7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) âm thổ là Tây trù, đối với cửa Tốn (Đông Nam) tương khắc và là bếp Ngũ quý, đối với chủ Khảm cũng tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mạng, rất tai hại cho trung nam, người mất nhà tan, mỗi sự mỗi bất lợi.

8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây) âm kim là Tây trù khắc cửa Tốn (Đông Nam) và là bếp Lục sát phụ nữ đoán thọ. Đoài với chủ Khảm hồ biến họa hại cũng bất lợi.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây thuộc chủ nhà mạng Khảm: Sanh khí trạch.

Cửa Tốn (Đông Nam) gặp chủ Khảm thuộc Đông tứ trạch cho nên Đông trù những bếp tốt, còn Tây trù là những bếp hung hại.

5- CHỦ NHÀ MẠNG KHẨM MỞ CỬA CÁI HƯỚNG LY (CHÁNH NAM) DIÊN NIÊN

(Cửa cái tại Ly (chánh Nam) chủ nhà hay sơn chủ tại Khảm).

- Lối tượng ứng về ngôi nhà: âm dương chính phối: phú quý cục.

Ý nghĩa: Nhà có cửa Ly (chánh Nam) và chủ Khâm là âm dương tương phối hợp một cách chính đáng, tạo nên cuộc giàu sang. Bằng bực mà kết phối (gặp) với nhau, dù tương khắc nhưng biến sinh được Cát du niên mới gọi là chính phối. Ly âm hóa thuộc trung nữ, gặp Khâm dương thủy thuộc trung nam. Ly hóa Khâm thủy tương khắc, nhưng trung nữ với trung nam là bằng bực, biến sinh Diên niên là Cát du niên. Diên niên kim ứng giàu có (phú) và sang trọng (quý).

- Từ cửa Ly (chánh Nam) biến 3 lần tới chủ Khâm tất được Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Đây là kiểu nhà tạo nên cuộc giàu sang, đầy đủ ba cái quý: phước lộc thọ. Lại sanh 4 con, con hiếu cháu hiền, trung nghĩa hiền tương, con cái đầy nhà. Nhưng ở lâu về sau thì khắc hại vợ, tim bụng đau nhức, mắt hay tật bệnh, đó là vì cửa Ly (chánh Nam) khắc chủ Kiền, cửa khắc nhà. Như muốn giải trừ những tai hại đó thì phải đặt bếp tại Chấn (chánh Đông) hay Tốn mộc, nhà trở nên hoàn toàn tốt, ở tới bao lâu cũng còn phú quý. Vì sao ? Vì có bếp Chấn (chánh Đông) Tốn thì Khâm thủy mắc tham sanh Chấn Tốn mộc, không khắc cửa Ly (chánh Nam) nữa. Lại còn được thêm hai cách tốt: Khâm sanh Chấn Tốn là được cách Thủy mộc tương sanh và Chấn Tốn mộc sanh Ly hóa là được cách mộc hỏa thông minh. Đó là chủ sanh bếp rồi bếp sanh cửa, tốt lắm.

Cửa Ly (chánh Nam) với chủ Khâm phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc) : Bếp Kiền (Tây Bắc) kim hổ biến với chủ Khâm phạm Lục sát, đối với cửa Ly (chánh Nam) là bếp Tuyệt mạng sanh ra nhiều tai họa: đoán thọ, mắt mờ hoa đốm, đầu nhức, tim đau, sanh ghé độc, ho hen, khạc đàm, góa bụa.

- 2) Bếp đặt tại Khâm (chánh Bắc) : Bếp Khâm (chánh Bắc) đối với cửa Ly (chánh Nam) là âm dương chính phối và là bếp Diên niên, đối với chủ Khâm là tỵ hòa Phục vị đắc vị. Đây là hướng bếp đại Cát, nhưng hai Khâm khắc một tỵ thì phụ nữ yếu vong.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) : Bếp Cấn (Đông Bắc) thổ đối với cửa Ly (chánh Nam) tương sinh nhưng là bếp họa hại, đối với chủ Khâm tương khắc và hồ biến Ngũ quý khiến cho trẻ con không yên lành, phụ nữ tánh cương ngạnh.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông) : Bếp Chấn (chánh Đông) sinh cửa Ly (chánh Nam) và là bếp Sinh khí đăng diện làm vượng khí cho Đông tứ trạch, có danh là Đông trù tứ mạng, rất tốt, thứ nhất là về khoa cử đậu liên miên. Lại Chấn đối với chủ Khâm tương sinh và hồ biến được Thiên y là phúc thần. Như vậy nhà Diên niên nhờ có bếp Chấn (chánh Đông) biến sinh thể: Sinh khí với Thiên y tạo thành nhà ba tốt, đầy đủ ba thứ quý: phúc, lộc, thọ. Ngoài ra còn hai cách tốt nữa: Chủ Khâm sinh bếp Chấn (chánh Đông) gọi là Thủy mộc tương sinh, bếp Chấn (chánh Đông) sinh cửa Ly (chánh Nam) gọi là Mộc hỏa thông minh.
- 5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam) : Bếp Tốn (Đông Nam) mộc đối với cửa Ly (chánh Nam) tương sinh và là bếp Thiên y đối với chủ Khâm cũng tương sinh và hồ biến được Sinh khí hiệp với Diên niên trạch thành nhà ba tốt, đại Cát, đại lợi. Ngoài ra còn hai cách tốt nữa: Chủ Khâm sinh bếp Tốn (Đông Nam) gọi là Thủy mộc tương sinh

và bếp Tồn (Đông Nam) sanh cửa Ly (chánh Nam) gọi là Mộc hỏa thông minh. Bếp Tồn (Đông Nam) cũng tương tự bếp Chấn (chánh Đông) nhưng tốt ít hơn một chút, vì ở Đông tứ trạch, bếp Sinh khí mộc hợp hơn bếp Thiên y thổ, và Sinh khí đắc diện mà Thiên y thất vị.

6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam) : Bếp Ly (chánh Nam) hỏa đối với cửa Ly (chánh Nam) tỷ hòa và là bếp Phục vị đắc vị, đối với chủ Khảm hồ biến được Diên niên cũng thuộc về bếp đại Cát song kém hơn bếp Tồn (Đông Nam).

7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) : Bếp Khôn (Tây Nam) thổ tiết khí cửa Ly (chánh Nam) và bếp Lục sát, đối với chủ Khảm tương khắc và hồ biến phạm Tuyệt mạng, khiến cho trung nam đoán thọ, tuyệt tự, nam nữ chẳng sống lâu, rất tán tài.

8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây) : Bếp Đoài (chánh Tây) kim bị chủ Khảm tiết khí và hồ biến họa hại cũng đã bất lợi lắm rồi. Hướng chi Đoài đối với cửa Ly (chánh Nam) tương khắc là bếp Ngũ quý đại hung, khiến cho thiếu phụ nhiều nạn, chết cách dữ tợn, phụ nữ làm loạn, gia đạo bất hòa, quan pháp nhiều nhương, khẩu thiệt thị phi lắm nỗi.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều được luận theo chủ nhà mạng Khảm, Kiền nhà này cửa Ly (chánh Nam) với chủ Khảm đều thuộc Đông tứ trạch, các Đông trù là những bếp tốt, các Tây trù đều bất lợi.

6) CHỦ NHÀ MẠNG KHÂM MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHÔN (TÂY NAM) TUYỆT MẠNG.

(Cửa cái tại Khôn (Tây Nam) chủ nhà hay sơn chủ tại Khâm).

Lời tượng ứng về ngôi nhà: Khôn Khâm trung nam mạng bất tổn.

Ý nghĩa: Phạm nhà cửa cái tại Khôn (Tây Nam) còn chủ phòng hay sơn chủ tại Khâm thì hạng trung nam mạng chẳng còn (chẳng trường thọ). Luận về con cái thì trung nam là hạng con trai thứ sinh sau con trai trưởng, nhưng không phải là con trai nhỏ hoặc con trai út. Luận về tổng quát số tuổi thì trung nam là hạng nam nhỏ hơn lớn cỡ trung niên, từ 21 tới 30 tuổi. Khâm là đương thủy bị Khôn âm thổ khắc và Khâm thuộc trung nam nên lời tượng nói hạng trung nam chẳng sống lâu. Từ cửa Khôn (Tây Nam) biến 7 lần tới Khâm thừa Tuyệt mạng cho nên gọi chủ Khâm là Tuyệt mạng trạch. Vì Khâm thủy bị khắc cho nên sinh ra các bệnh chứng như sau: tim bụng đau, bệnh huỳnh đân (nước da vàng bạch) bệnh phù thũng (sưng phù), bệnh tích khối (kết hòn cục, sạn nơi ngũ tạng, thịt dư, khí huyết ứ đọng, v.v...) Hạng trung nam đoán thọ, các việc ở góa, nuôi nghĩa tử, điền sản, thoái bại, đạo tặc hoành hành (làm ngang) dối trá, quan tụng, khẩu thiệt, trong gia đạo có phòng riêng cánh khác...

Cửa Khôn (Tây Nam) với chủ Khâm phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc) : Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Kiền (Tây Bắc) kim tương sinh và là bếp Diên niên đăng diện, rất tốt. Nhưng bếp Kiền (Tây Bắc) với chủ Khâm tuy tương sinh nhưng hổ biến ra Lục sát, dữ nhiều

hơn lành. Kết luận bếp Kiển (Tây Bắc) lợi nhiều hơn hại.

2) Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc) : Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Khảm (chánh Bắc) thủy tương khắc và là bếp Tuyệt mạng, rất xấu. Nhưng bếp Khảm (chánh Bắc) với chủ Khảm tý hòa và hổ biến ra Phục vị hữu khí. Kết luận: Bếp Khảm (chánh Bắc) hại nhiều hơn lợi, vì Phục vị tốt qua loa và là chỗ hổ biến không đương nổi với Tuyệt mạng hung hại nặng, lại là chỗ chính biến.

3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) : Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Cấn (Đông Bắc) thổ tý hòa và là bếp Sinh khí tốt nhưng thất vị. Bếp Cấn (Đông Bắc) với chủ Khảm tương khắc và hổ biến sanh ra Ngũ quý rất hung. Kết luận: Bếp sinh khí thất vị tốt vừa vừa còn phạm Ngũ quý rất hung, hại nhiều hơn lợi.

4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông) : Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Chấn (chánh Đông) tương khắc và là bếp họa hại. Nhưng bếp Chấn (chánh Đông) đối với chủ Khảm tương sanh và hổ biến được Thiên y thổ vô khí (thổ đối với Chấn Khảm đều tương khắc). Kết luận: Bếp này tốt xấu tương đương, không thêm bớt chi cho Tuyệt mạng trạch.

5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam) : Bếp Tốn (Đông Nam) khắc cửa Khôn (Tây Nam) và phạm Ngũ quý là đại hung. Nhưng bếp Tốn (Đông Nam) với chủ Khảm tương sanh và hổ biến được Sinh khí hữu khí rất tốt. Một bên đại hung, một bên đại Cát tương đương nhau.

6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam) : Cửa tại Khôn (Tây Nam)

thì bếp Ly (chánh Nam) hỏa tương sanh nhưng là bếp Lục sát. Bếp Ly (chánh Nam) với chủ Khâm tuy tương khắc nhưng chánh phối thành Diên niên. Bếp Ly (chánh Nam) nay lợi nhiều hơn hại.

7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) : Cửa Khôn (Tây Nam) mà bếp cũng Khôn là tý hòa Phục vị thất vị. Bếp Khôn (Tây Nam) đối với chủ Khâm tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mạng rất tai hại. Vậy bếp này hại nhiều hơn lợi.

8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây) : Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Đoài (chánh Tây) kim tương sanh và là bếp Thiên y đắc vị rất tốt. Nhưng bếp Đoài (chánh Tây) với chủ Khâm tương sanh mà hồ biến ra Họa hại. Như vậy bếp Đoài (chánh Tây) phần tốt thì tốt mạnh, phần xấu thì xấu nhẹ, có thể ẩn bớt cái tuyệt khí của Tuyệt mạng trạch.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây, bếp nào cũng thuộc chủ nhà mạng Khâm: là hung trạch, các kiểu bếp cũng không có điều gì quan trọng để luận bàn thêm, lẽ tất nhiên, gặp bếp xấu thì nhà thêm xấu, gặp bếp tốt cũng được sự tốt và bớt điều hung.

7- CHỦ NHÀ MẠNG KHÂM MỞ CỬA CÁI HƯỚNG ĐOÀI (CHÁNH TÂY) HỌA HẠI.

(Cửa cái tại Đoài (chánh Tây) chủ nhà hay sơn chủ tại Khâm).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà : Bạch hổ đầu giang, Lục súc thương.

Ý nghĩa: Cọp trắng giao sông: sáu vật bị tổn hại. Bạch hổ là cọp trắng ám chỉ vào cửa Đoài (chánh Tây), vì Đoài thuộc kim màu trắng ở chánh Tây là tượng và ngôi của Bạch hổ. Đầu giang

là gieo mình xuống sông, ám chỉ vào Khảm thủy. Lục súc thương là sáu thú bị thương tổn (bệnh, mất, chết). Sáu thú là nói chung: trâu, bò, dê, lợn, chó, gà.

-Theo phép Bát biến thì từ cửa Đoài (chánh Tây) biến 5 lần tới chủ Khảm gặp họa hại cho nên gọi là họa hại trạch. (Cũng gọi là Tiết khí trạch vì Khảm thủy vốn làm hao thoát khí Đoài Kim, nước cháy làm hao mòn kim trạch). Ở nhà này ất sản nghiệp thất bại, sanh những việc dâm dăng, rượu chè, cờ bạc, hút sách, giới thiệu phụ chết non... Ở càng lâu càng thêm sự bại tuyệt.

Cửa Đoài (chánh Tây) với chủ Khảm phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc) : Bếp Kiền (Tây Bắc) đối với cửa Đoài (chánh Tây) tỷ hòa và là bếp Sinh khí thất vị là hướng bếp tốt thông thường, nhưng cũng chẳng khỏi tán tài, và tổn hại nhân đinh vì bếp Kiền (Tây Bắc) bị tiết khí do chủ Khảm, hổ biến Lục sát.
- 2) Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc) : Bếp Khảm (chánh Bắc) cũng như chủ Khảm làm tiết khí cửa Đoài (chánh Tây) và là bếp Họa hại khiến cho phụ nữ đoán thọ. Còn bếp Khảm (chánh Bắc) với chủ Khảm hổ biến Phục vị mộc hữu khí là chỗ khá tốt.
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) : Bếp Cấn (Đông Bắc) thò đối với cửa Đoài (chánh Tây) tương sanh và là bếp Diên niên đắc vị, là một hướng bếp tốt. Nhưng Cấn khắc chủ Khảm và phạm Ngũ quý khiến cho tiểu nhi chết yếu, hiếm con nổi dòng họ.
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông) : Bếp Chấn (chánh Đông) mộc bị cửa Đoài (chánh Tây) khắc và là bếp Tuyệt mạng

bất lợi. Nhưng bếp Chấn (chánh Đông) được chủ Khảm sanh và hồ biến được Thiên y vô khí là chỗ tốt bình thường.

5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam) : Bếp Tốn (Đông Nam) mộc bị cửa Đoài (chánh Tây) khắc là bếp Lục sát khiến cho giới phụ nữ bất lợi. Nhưng bếp Tốn (Đông Nam) được chủ Khảm sanh và hồ biến được sinh khí hữu khí là chỗ rất tốt.

6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam) : Bếp Ly (chánh Nam) Hỏa khắc cửa Đoài (chánh Tây) là phạm Ngũ quý là hướng bếp đại hung. Tuy Ly với chủ Khảm hồ biến được Diên niên là mặt tốt song không đủ bù vào cái hại lớn của Ngũ quý.

7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) : Bếp Khôn (Tây Nam) thổ, sanh cửa Đoài (chánh Tây) kim và là bếp Thiên y đẳng diện, đại Cát, đại lợi. Nhưng Khôn với chủ Khảm tương khắc và hồ biến tuyệt mạng, khiến cho hạng trung nam yếu thọ, ở góa, hiếm con thừa tự.

8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây) : với cửa Đoài (chánh Tây) biến sinh Phục vị, thất vị, sự tốt quá ít ỏi. Còn Đoài với chủ Khảm tiết khí và chủ hồ biến Họa hại khiến cho phụ nữ đoản mạng, bất lợi.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Khảm là Họa hại trạch. Cửa Đoài (chánh Tây) thuộc Tây tứ trạch, còn chủ Khảm thuộc Đông tứ trạch cho nên nhà này thuộc về loại Đông Tây tương hỗn trạch. Ở ngôi nhà này, bếp nào cũng biến sinh một Cát du niên và một hung du niên, như vậy không có bếp nào trọn hung trọn Cát.

8) CHỦ NHÀ MẠNG KHÁM MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KIỀN (TÂY BẮC) LỤC SÁT.

(Cửa cái tại Kiền (Tây Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Khâm).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thiên môn lạc thủy, xuất dân cuốn chữ Thiên ám chỉ Kiền (Kiền vi Thiên). Lạc thủy là rơi vào nước, tức là nói gặp Khâm (Khâm vi thủy). Đại ý nói: cửa Kiền (Tây Bắc) với chủ Khâm là ngôi nhà ứng ra các việc dân đảng, cuồng đại.

- Cửa Kiền (Tây Bắc) biến 1 lần tới chủ Khâm thừa Lục sát cho nên gọi là Lục sát trạch, một ngôi hung hại. Lục sát thủy là du niên vốn có tánh cách dân cuồng lại lâm Khâm cũng thủy đồng tánh chất với nó cho nên nhà sanh ra những việc dân bôm, bất chính, truy lạc, lầm lỗi. Tuy nhiên cũng có một điểm tốt là cửa Kiền (Tây Bắc) kim sanh chủ Khâm thủy, ấy là ngoài sanh vào trong, ở Sơ niên cũng có lúc hưng tài, phát lộc.

Nhưng vốn là Lục sát, tất chẳng bao lâu rồi cũng khắc hại vợ con, sống cô đơn, vắng hieu con cái, khiến cho vong gia, bại sản. Khâm với Kiền thuần dương tất lẫn hại âm mà kết thành sát khí (Lục sát) khiến cho âm nhơn, phụ nữ tử vong.

Cửa Kiền (Tây Bắc) với chủ Khâm phối 8 chỗ đặt bếp:

- 1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc) : Bếp Kiền (Tây Bắc) với cửa Kiền (Tây Bắc) là hai kim tỷ hòa và đồng cung nên gọi là bếp Phục vị, tuy cũng có thoảng qua một ít tốt, rồi rồi cuộc nó vẫn bị lỗi cuốn theo các nảo dữ, Bếp Kiền (Tây Bắc) cũng như cửa Kiền (Tây Bắc) biến tới Khâm hóa nên Lục sát, vậy cũng ứng theo lời tượng nhà mạng Khâm:

Chuyên Đề Mang Khâm

Thiên môn lạc thủy xuất dâm cuồng.

- 2) Bếp đặt tại Khâm (chánh Bắc) : Cửa Kiền (Tây Bắc) thì chủ Khâm thừa Lục sát tất bếp Khâm (chánh Bắc) cũng thừa Lục sát. Cả nhà đầy sát khí, lắm chuyện bất tường sanh nẩy ra. Một Kiền với hai Khâm toàn là dương, không thể sanh phát. Và vì không có sự kết phối âm dương mà lại nước quá nhiều tất làm hao tiết mất cái thịnh khí của Kiền kim (thủy năng thoát kim), ứng ra điềm tiêu tán tiền của, thiếu thốn cháu con. (Số vì nói nước quá nhiều là 2 Khâm cộng với 2 Lục sát thành 4 thủy).
- 3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc) : Cửa Kiền (Tây Bắc) kim với bếp Cấn (Đông Bắc) thổ tương sanh và phối biến thành bếp Thiên y đẳng diện rất tốt, điềm sanh 3 con quý. Tuy đối với cửa Kiền tốt như vậy, nhưng đối với chủ Khâm lại ứng điềm hung vì Cấn với Khâm hồ biến ra Ngũ quý, khiến cho tiểu nhi khó nuôi dưỡng, hàng trung nan đoán thọ, hiếm hoi con cái, tim bụng đau nhức, thường bị các chứng no hơi, phình trướng và nghẹn ngực. (Cấn thuộc thiếu nam ứng về tiểu nhi, Khâm thuộc trung nam ứng vào hạng trung nam).
- 4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông) : Cửa Kiền (Tây Bắc) kim khắc bếp Chấn (chánh Đông) thuộc mộc và biến thành bếp Ngũ quý, bếp Ngũ quý hung hại bậc nhất. Nhà Lục sát chứa bếp Ngũ quý tài nào mà chẳng suy vi, cho nên càng ở lâu càng lụn bại. Sơ niên đó tốt chút ít và sự tai hại qua loa là nhờ bếp Chấn (chánh Đông) với chủ Khâm hồ biến được du niên Thiên y. (Cửa với chủ đối nhau hay cửa với bếp đối nhau gọi là chính biến. Còn

chủ với bếp đối nhau gọi là hổ biến. Chính biến thì họa phước chính xác và hệ trọng, còn hổ biến thì họa phước nhẹ hơn).

- 5) Bếp đặt tại Tồn (Đông Nam) : Bếp Tồn (Đông Nam) hổ biến với chủ Khâm được Sinh khí nhưng chính biến với cửa Kiền (Tây Bắc) là bếp Họa hại. Sơ niên phát cá tiền tài và nhân khẩu (thêm người), nhưng ở lâu rồi bệnh đau gân cốt nổi lên, âm nhơn chết sớm, phụ nữ suy thận, lưng nhức mỏi. (Tồn thuộc trướng nữ, thừa họa hại lại bị cửa Kiền (Tây Bắc) khắc cho nên tai họa qui về phụ nữ. Tồn mộc thuộc về lá gan, bị Kiền khắc nên gan thương tật sanh chứng đau gân cốt. Khâm thủy ứng về thận, thừa Lục sát hung nên ứng điềm thận suy.)
- 6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam) : Ly âm hóa đối với cửa Kiền (Tây Bắc) dương kim tương khắc và chính biến thành bếp Tuyệt mạng ứng điềm nam nữ yếu vong (chết non), trong nhà sanh nhiều rắc rối. Tuy trong 10 phần xấu cũng có 3 phần tốt là nhờ bếp Ly (chánh Nam) với chủ Khâm hổ biến được Diên niên. Tuyệt mạng với Diên niên ứng nghịch nhau: Tuyệt mạng chết sớm, Diên niên sống lâu, nhưng chính biến hệ trọng hơn hổ biến.
- 7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam) : Đối với cửa Kiền (Tây Bắc) thì bếp Khôn (Tây Nam) tương sanh và thừa Diên niên đắc vị, đó là điềm tiền tài và nhân khẩu cả hai đều thịnh vượng. Nhưng vì bếp Khôn (Tây Bắc) khắc chủ Khâm và hổ biến ra Tuyệt mạng cho nên hạng trung nam (Khâm thuộc trung nam) trong nhà thọ Khôn, điềm ứng nghiệm là ố góa, là bất lợi con cái, là những sự việc

có tánh cách đoạn tuyệt.

- 8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây) : Đối với cửa Kiền (Tây Bắc) thì bếp Đoài (chánh Tây) tỷ hòa thừa Sinh khí. Nhưng Sinh khí mộc đồng bị Kiền Đoài khắc thành ra nhà chỉ được phát nhân dinh (thêm đồng người) mà tiền bạc và công danh chẳng hưng khởi được. Còn bếp Đoài (chánh Tây) với sơn chủ Khâm hồ biến sanh Họa hại, ấy là cái hại phụ nữ (Đoài thuộc phụ nữ) không trường thọ mà về sau ở góa, dâm dăng, phóng túng, xa hoa, lỗi lầm (Khâm gặp Họa hại).

Kết luận: 8 bếp: Vốn là Lục sát trạch cá hung hại, nếu gặp bếp xấu tất phải hung hại hơn, bằng gặp bếp tốt chỉ bớt sự hung hại của nhà hoặc cũng có sự tốt, nhưng không thể khiến cho nhà phát đạt to.

Kết luận: Tám hướng bếp trên đây, bếp nào cũng thuộc về chủ nhà mạng Khâm: Lục sát trạch. Các kiểu bếp cũng không có điều gì quan trọng để luận bàn thêm, lẽ tất nhiên, gặp bếp xấu thì nhà thêm xấu, gặp bếp tốt cũng được sự tốt và bớt điều hung.

HÔN PHỐI SỞ THUỘC

CỦA CHỒNG MẠNG KHÂM

LUẬN TUỔI VỢ CHỒNG

Những tuổi Khâm, Ly, Chấn, Tốn gọi là Đông tứ mạng nên cưới gá nhau.

- Còn những tuổi Khôn, Cấn, Kiền Đoài gọi Tây tứ mạng nên cưới gá nhau mới được nhiều con nhiều phước.

Nếu tuổi Đông-mạng cưới gá với tuổi Tây-mạng phải gian-khổ về con cái, không hòa-thuận, không phát phước.

Như chồng Khâm thuộc Đông-mạng, cưới vợ Tốn cũng thuộc Đông mạng được Sanh-khí. Có 5 đứa con hòa-thuận, giúp chồng lập nên gia-thất. Nếu chồng Khâm là Đông-mạng cưới vợ Cấn thuộc Tây-mạng, tất phạm ngũ-quý, tuy con được 2 đứa mà gia-đạo không hòa, của tiền bị trộm. Mạng chồng hiệp mạng vợ được Sanh-khí thuộc Tham lang, có 5 đứa con. Hiệp với Thiên-y, thuộc Cự-môn, được 3 đứa con.

- Hiệp với Diên Niên, thuộc Vô-khúc được 4 đứa con.
- Phạm Ngũ-Quý, thuộc Liêm-trình có con 2 đứa.
- Hiệp Qui-hồn thuộc Bỏ-chúc được nhờ 1 gái thôi.
- Hiệp Du-hồn, thuộc Văn-khúc sau nhờ 1 đứa.
- Phạm Tuyệt-mạng, thuộc Phá-quân chịu cảnh Cô-đơn.
- Phạm Tuyệt mạng thuộc Lộc-tồn không con, được thọ.

Hãy tường-tân sự sanh khắc hưu tù hiệp tuổi chồng vợ. Đường đi vào nhà, Bếp-núc đặt để đúng phương hướng, cũng quyết

Chuyên Đề Mạng Khâm

được sự có con hay không, nhiều hay ít, nuôi được hay không nữa.

Ở chung một nhà Ông Bà, cha mẹ, chú bác, anh em, chị em và vợ chồng, nên phân phòng hap trạch. Em Đông mạng ở phía Đông. Anh Tây mạng ở phía Tây mới được phước thọ, bằng không hap thì khó thoát bản-yếu. Còn vợ chồng.

Ví dụ: Chồng Tây-mạng nhà ở Tây tứ-Trạch nhưng vợ Đông mạng phải làm sao? Nếu Trạ Bắc Phòng: (Phòng ở hướng Bắc). Chồng ở gian phía Tây, vợ ở gian giữa thuộc Khâm Đông-Trạch hap với vợ.

Bằng Trạ Nam Phòng: Chồng ở gian nhà phía Tây vợ ở Trung-gian hoặc gian nhà phía Đông bởi Trung gian là căn giữa thuộc Ly và gian nhà phía Đông thuộc Tồn đều Đông Tứ-Trạch hap mạng vợ. Hoặc ở phòng phía Đông: chồng ở gian nhà phía Bắc thuộc Cấn hap mạng chồng, vợ ở Trung-gian thuộc Chấn hoặc Nam-gian thuộc Tồn đều hap. Hay là ở phòng phía Tây: Thì chồng ở Trung gian, vợ ở gian nhà phía Nam thuộc Ly, hoặc ở gian nhà phía Bắc thuộc Khâm.- Đại để vợ chồng cung mạng chẳng đồng, cứ giữ mạng chồng làm chủ, các cung khác cũng vậy.

BÁT SAN TUYỆT MẠNG Kiềm với Ly

Đoài với Chấn

Khôn với Khâm \ ÂM KHẮC DƯƠNG

Cấn với Tồn

BÁT SAN NGŨ QUÝ Kiềm với Chấn

Tồn với Khôn \ DƯƠNG KHẮC ÂM

Khâm với Cấn ÂM KHẮC DƯƠNG

Đoài với Ly

LỤC THÂN TƯƠNG HÌNH Kiềm với Khâm

Cấn với Chấn

Tốn với Đoài

Khôn với Ly

BÁT SAN HỌA HẠI Kiềm với Tốn

Khâm với Đoài

Cấn với Ly

Khôn với Chấn

Sau đây là bản lập thành, có lời bình giải rõ ràng, ai cũng có thể xem qua là hiểu, muốn biết người đó tuổi gì, thuộc cung gì trong 8 cung xem bài cung phi và bản BÁT TRẠCH TAM NGUYÊN để biết rõ cung tuổi của chồng và vợ, qua cột 3 là cung phi của chồng, cột 4 là cung phi của vợ.

Ngoài ra, ta có thể xem 1 trong 8 hình bát quái tùy theo bốn mạng của mình để đoán số vợ chồng bằng cách nhìn chính giữa của bát quái đồ là cung phi của người chồng, chung quanh là 8 cung của vợ.

Dưới đây là bản hôn phối cát, hung của vợ chồng sở thuộc mạng Khâm

KHÂM

CÁT	HUNG
KHÂM - KHÂM : CÁT	KHÂM - KIỀM : HUNG
KHÂM - CHẤN : "	KHÂM - CẤN : "
KHÂM - TỐN : "	KHÂM - KHÔN : "
KHÂM - LY : "	KHÂM - ĐOÀI : "

1. TRAI MẠNG KHẨM LẤY GÁI KHẨM

"Phục vị" (Khảm vi thủy)

Lương Khảm trùng cung cũng tạm nhân

Cưới nhau sớm phải chịu trùng tang

Nếu bằng biệt lập xa cha mẹ

Con cháu rồi ra cũng có đàn

2. TRAI MẠNG KHẨM LẤY GÁI CẦN

"Ngũ quý" (Thủy sơn kiên)

Cần Khảm hình tượng số định rồi

Lấy nhau chỉ để lụy nhau thôi

Cửa nhà xơ xác thân cơ cực,

NGŨ QUÝ đeo theo cú báo đời

3. TRAI MẠNG KHẨM LẤY GÁI CHẨN

"Thiên y" (Thủy lôi truân)

Nước gặp gió to dậy sóng lên

THIÊN Y Chấn, Khảm số làm nên

Cháu con đông đúc tài miên thịnh.

Hòe quế y quan rực trước thềm

4. TRAI MẠNG KHẨM LẤY GÁI TỐN

"Sinh khí" (Thủy phong tĩnh)

Khảm, Tốn nên duyên phúc lớn thay

Thiên Y quan lộc hướng lâu dài

Cửa nhà khang lẹ, chăn nuôi vượng

Con cái thông minh đủ trí tài.

5. TRAI MẠNG KHẨM LẤY GÁI LY

"Diên niên" (Thủy hỏa ký tề)

Khảm, Ly thủy hỏa chờ nên gần

Phước đức dẫu nhiều cũng cách phân

*Nếu số xa quê mà gặp gỡ
Cũng cho là tạm sống thanh bần*

6. TRAI MẠNG KHẨM LẤY GÁI KHÔN

"Tuyệt mạng" (Thủy địa tỳ)
*Khảm, Khôn tuyệt mạng biết làm sao
Dấu bị oan gia tự thuở nào
Kết hợp cứng thành sanh tử biệt
Cháu con nổi bước xuống âm tào*

7. TRAI MẠNG KHẨM LẤY GÁI ĐOÀI

"Họa hại" (thủy trạch tiết)
*Thủy, Kim phối ngẫu được tương sanh
Trường thọ Diên niên số đã dành
Cháu con hiền hiếu nên danh phận
Vườn ruộng chăn nuôi bại hóa thành*

8. TRAI MẠNG KHẨM LẤY GÁI KIẾN

"lục sát" (Thủy thiên nhu)
*Đặng hóa Khảm Kiến số nghịch sanh
Lương duyên phú quý sớm nên danh
Có đều trai phải nhường cung vợ
Nể mặt nhau cho mọi sự thành*

CON NỔI DÒNG

CỦA CHỦ NHÀ THUỘC MẠNG KHẨM

Bài con Nổi Dòng ở đây có ý nghĩa như cung tử tức trong khoa tử vi, chuyên lý giải về giòng giới như số lượng con cái, trai nhiều hay gái nhiều, có con hay không con, nói khác đi là sự phong túc hay hiếm muộn.

Hạnh phúc giữa cha mẹ và con cái, và hạnh phúc chính bản thân của con cái chủ nhà.

Tương lai tổng quát của các con nói chung, (số phận, chết, cách chết, dễ nuôi, khó nuôi, tình trạng con đầu lòng). Muốn hiểu rõ các sự kiện trên đây khoa tử vi cần phải hội đủ: Năm, tháng, ngày, giờ sinh, rất phiền phức vì có nhiều người trên đời này chưa chắc hội đủ các chỉ tiêu đó.

Đối với thuật Phong Thủy, chỉ cần biết mạng chủ nhà (cung phi) là có đủ cơ sở để xét đoán các tình huống như: Hôn nhân của con cái, nếp sống, tật bệnh, tai họa.

Dưới đây là bài nói về con nổi dòng của chủ nhà thuộc mạng:

Khảm mạng được Tồn phương lai-lộ, Táo hướng là sinh khí có 5 con trai được Ly phương là Diên-niên có 4 con trai, được Chấn phương là Thiên-y sẽ có 3 con trai, được Khảm phương là Phục-vị chỉ có một con gái thôi, phạm Tuyệt-mạng ở Khôn thương trưởng tử, đau tuyệt tự, phạm Ngũ-quý ở Cấn, bị thương con trai út, sau có 2 trai, phạm Lục-sát ở Kiền, sẽ thương trưởng tử, sau

có một trai phạm ở Đoài là họa hại sẽ thương con gái út mà không con trai, nếu đổi ra phương sinh khí, lại có con trai. Lấy vợ ở phương Đoài, sẽ bất hòa, phạm Lộc-tồn thổ, tuy không con mà có thọ.

KHÁM MẠNG:

(Phục: Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Đoài, Khôn, Kiền, Khám: Ngũ, Thiên, Tinh, Diên, Tuyệt, Họa, Lục.)

HÔN NHÂN:

Khám mạng nên phối với Tốn mạng, Táo khẩu thì nên hướng Tốn, Cầu hôn Táo khẩu nên hướng Ly, đặt giường ở phương Ly, cửa giường cha mẹ nằm, phân phòng lai lộ, tứ phương cùng với Khám mạng, chồng phối với vợ Tốn mạng, sẽ có 5 trai và hòa thuận lại giúp chồng được thành gia.

TỬ TÚC:

Nam nhân Khám mạng, được Tốn phương lai lộ Táo khẩu, lại cùng với người vợ mạng Tốn, đều được sinh khí sẽ có 5 con trai và giàu sang. Có một người Khám mạng, lúc tuổi trẻ không con, sau làm thêm căn phòng ở phía Đông, mà sinh được 5 con trai. Lại thấy người Khám mạng được vợ là Tốn mạng quá nhiên được 5 con trai, sau lần đổi Táo khẩu hướng ra Khôn, nấu ăn 10 năm con cái đều chết cả. Lại thấy người vợ Khám cưới chồng mạng Tốn, sinh được 5 con trai, về sau tuổi già chồng chết, nhằm đổi tảo khẩu ra hướng Khôn nấu ăn được 3 năm con cũng đều chết. Người Khám mạng, làm lấy phái người vợ mạng Đoài là Lộc-tồn thổ, lại mạng phạm cô, hư nên không con, có phép gì để cứu vãn.

Vậy: đem cửa cái đổi lấy hương triều vào phương Tồn ở Đông Nam sẽ được và sinh khí của bốn mạng, sẽ có 5 con, tuy mạng là cô, hư cũng có con ngay, đem tiểu Táo (bếp nhỏ) hoặc lò gió đem lấy cái cửa khẩu triều hướng vào phương Kiền, để 1 mình vợ nấu ăn thôi, đó là lấy cái phương sinh-khí của mạng người vợ là hướng cát, cũng có con, sau sanh 5 con trai. Vậy phương hướng Táo khẩu của Dương-trạch, hay cứu vãn hồi Tạo-hóa, thâm nghiệm như vậy.

TẬT BỆNH

Có một người đàn bà bị bệnh ti-tiết, đêm nghe tiếng bình nhân kêu rên, để chữa trị đem đổi cái bếp lò nhỏ ra hướng Chấn là phương Thiên-y, và cho bệnh nhân ăn uống là sẽ tự khỏi. Vợ già bệnh Ti-tiết nằm giường nửa năm, mấy ngày nay chẳng ăn gặp nguy ! khó cứu được ! để điều trị. Nên cho bệnh nhân thử nấu thuốc cháo ở bếp mới, cho bệnh nhân ăn, và uống thuốc nửa chén mỗi lần ! Mới được hơn 1 tuần khỏi bệnh, đó là Táo khẩu hướng vào tuyệt mạng phương, vậy sinh ra hoạn nạn, bệnh Ti-tiết. Như vậy: Bếp mới đổi, hướng triều vào Chấn cung là phương Thiên-y rất hợp và rất tốt.

TAI HỌA:

Người Khâm mạng phạm vào phương Khôn, thì Lão-mẫu bất tử (mẹ già dữ ác), Thê thiếp bất hòa, vợ lại sinh bệnh tá lị, tổn thương mẹ già, vợ và con gái côi cút nô-ti tuyệt tự ! Nếu phạm ở Đoài phương, tất sinh phiền não, hờn giận tự tử về dao, kiếm đau thương ! vợ chồng bất hòa mà thấy Tam quang, Hóa quang, Huyết quang, Lê quang, tổn thương vợ và Nô ti nữ, lại có người đàn bà

mặt tròn thua kiện, phá tài, nếu không thể, tất có bệnh phong, điên cuồng, câm ngọng, lao ề, mọi chứng ! Lại có người đàn bà Khám mạng nấu ăn ở Táo khẩu hướng Đoài là phương Họa hại, 3 năm dùng sợi dây tự tử hơn 10 lần ! may được lai-lộ cát, cho nên nhiều lần đều được cứu giải, sau đổi Táo khẩu hướng Tốn ở phương Nam, thì lâu dài không thấy như vậy nữa, nếu mạng người chồng bất lợi ở phương Tốn, chẳng có thể được. Cho nên vợ chồng cả 2 mạng đều là Đông, hoặc đều là Tây, thì nên chọn mạng của chồng để định hướng cát của Táo khẩu, ngoài lấy giường, buồng, cầu tiêu, các hào để cứu vợ có thể được. Có vợ là mạng Khám bệnh tiếp nối mẹ vợ, đến nhà thăm vợ, không biết phương để phân phòng, bệnh lại phản hung ? vậy nên đổi phòng mẹ vợ ở phương Tây, mà vợ ở phía Đông của mẹ vợ (nhà đất hẹp) nếu nền nhà rộng được tiện phân phòng thì cát. Được Táo khẩu hướng cát để nấu cho vợ ăn thì quá quyết khỏi bệnh ngay.

Khám mạng phạm phương Kiền là Lục-sát, sẽ chịu nhục vì cha trách mắng! nếu cha già con Trưởng bất hiếu ! Nô-bộc già bất nhân ! tự vận về đau thương ! Trưởng-tứ, thế, nữ đều bệnh lao chết ! Người Khám mạng, tu đạo ở phương Kiền mở cửa cái, sau khi hết năm có người già qua đường chết ở dưới cửa đó sẽ bị bại gia, đó là lầm tu tạo vào phương Lục-sát, có người kiện cáo, sinh sự.- Nếu đàn bà Khám mạng phạm vào phương Lục-sát này, thì bị chồng trách mắng.- Khám mạng phạm vào Cấn phương thì trước hại con út, sau hại Nô-bộc nhỏ, rồi vợ mất cửa, trộm 5 lần, Nô-tỳ (người ở gái) chạy trốn, có hỏa tai!

MỤC LỤC

- Biểu Tượng Vạn Vật Sở Thuộc Cung Khảm	07
- Vạn Mạng Trọn Đời Của Chủ Nhà Mạng Khảm	13
- Bát Quái Đồ Của Chủ Nhà Mạng Khảm	17
- Phương Hướng Xây Nhà Của Người Mạng Khảm	18
- Chọn Phương Hướng Trổ Cửa Của Chủ Nhà Mạng Khảm	21
- Cửa Cái và chỗ Đặt Bếp Lò Của Chủ Nhà Mạng Khảm	23
- Hôn Phối Sở Thuộc Của Chồng Mạng Khảm	42
- Con Nối Dòng Của Chủ Nhà Mạng Khảm	52

